CÔNG TY CỔ PHẦN **CAO SU XUÂN LỘC** ------o0o------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc --------o0o--------
Số: 42/BC-TGĐ	TP.HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO
TỔNG KẾT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2022
&
MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2023

Kính gửi: **- ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY**
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Kế hoạch SXKD năm 2022 được ĐHĐCĐ Thường niên năm 2022 phê duyệt tại Nghị quyết số 32/NQ-ĐHĐCĐTN.2022 ngày 26/03/2022. Nay, Tổng giám đốc Công ty xin báo cáo tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2022, với một số nội dung cơ bản như sau:

A- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

I- Đặc điểm vườn cây khai thác:

1/ Tổng diện tích khai thác năm 2022 là: **3.038,90 ha**

Chiếm 97,21%/ Tổng diện tích vườn cây (3.126,22 ha)

2/ Tổng số cây cạo năm 2022 là: **1.502.733 Cây**

Chiếm 89,06%/ Tổng số cây cạo (1.687.381 cây)

II- Về kết quả khai thác – kinh doanh mủ cao su:

1/ Tổng sản lượng khai thác năm 2022 là: **3.602,548 Tấn**

(Đạt 96,07% so với kế hoạch 3.750 tấn)

Trong đó:

+ ***Khu vực A:*** *1.250,795 Tấn*

- ✓ *Đạt 96,22% so với kế hoạch 1.300 tấn*
- ✓ *Chiếm tỷ lệ 34,72% / Tổng SL toàn Nông trường*

*+ **Khu vực B:***	*502,685*	*Tấn*
✓ *Đạt 86,67% so với kế hoạch 580 tấn*		
✓ *Chiếm tỷ lệ 13,95% / Tổng SL toàn Nông trường*		
*+ **Khu vực C:***	*1.849,068*	*Tấn*
✓ *Đạt 98,88% so với kế hoạch 1.870 tấn*		
✓ *Chiếm tỷ lệ 51,33% / Tổng SL toàn Nông trường*		
2/ Năng suất:		
a/ Năng suất bình quân/ha:	***1,19***	***Tấn/ha***
(Đạt 96,07% so với kế hoạch 1,23 tấn/ha)		
Trong đó:		
+ Khu vực A:	*1,33*	*Tấn/ha*
+ Khu vực B:	*1,23*	*Tấn/ha*
+ Khu vực C:	*1,10*	*Tấn/ha*
b/ Năng suất bình quân/cây cạo:	***2,40***	***Kg/cây***
(Đạt 96% so với kế hoạch 2,50 Kg/cây)		
Trong đó:		
+ Khu vực A:	*2,89*	*Kg/cây*
+ Khu vực B:	*2,44*	*Kg/cây*
+ Khu vực C:	*2,14*	*Kg/cây*
3/ Về kết quả kinh doanh:		
3.1/ Kết quả tiêu thụ mủ cao su:		
a/ Tổng SL tiêu thụ năm 2022:	**4.957,290**	**Tấn**
Trong đó:		
✓ *Mủ thành phẩm (Qua chế biến):*	*4.782,816*	*Tấn*
✓ *Mủ phế phẩm (Mủ tạp quy khô- bán tại vườn):*	*174,474*	*Tấn*
b/ Tổng doanh thu (tiêu thụ mủ cao su) năm 2022:	**177,24**	**Tỷ đồng**
Trong đó:		
✓ *Mủ thành phẩm (Qua chế biến):*	*169,51*	*Tỷ đồng*
✓ *Mủ phế phẩm (Mủ tạp quy khô- bán tại vườn):*	*7,73*	*Tỷ đồng*
c/ Giá bán bình quân năm 2022:	**35,75**	**Trđ/tấn**

3.2/ Kết quả SXKD năm 2022:

(Theo số liệu lập BCTC năm 2022)

a/ Tổng doanh thu:	**193,29**	**Tỷ đồng**
Trong đó:		
✓ *DT bán hàng hóa*	*179,35*	*Tỷ đồng*
✓ *DT tài chính*	*4,54*	*Tỷ đồng*
✓ *DT khác*	*9,40*	*Tỷ đồng*
b/ Tổng chi phí:	**225,52**	**Tỷ đồng**
Trong đó:		
✓ *CP giá vốn*	*207,34*	*Tỷ đồng*
✓ *CP tài chính*	*5,22*	*Tỷ đồng*
✓ *CP bán hàng*	*0,61*	*Tỷ đồng*
✓ *CP QLDN*	*3,21*	*Tỷ đồng*
✓ *CP khác*	*9,15*	*Tỷ đồng*
c/ Kết quả SXKD năm 2022 (a-b):	**Lỗ 32,23**	**Tỷ đồng**

3.3/ Giá thành sản xuất 2022:

(Đính kèm Báo cáo Chi phí khai thác mủ - Năm 2022)

✓ Chi phí khai thác mủ *(Chiếm 60,7%/ Tổng GT)*	27,12	Trđ/tấn
✓ Chi phí quản lý *(Chiếm 2,4%/ Tổng GT)*	1,06	Trđ/tấn
✓ CP khấu hao *(Chiếm 1,1%/ Tổng GT)*	0,50	Trđ/tấn
✓ CP lãi vay *(Chiếm 3,2%/ Tổng GT)*	1,45	Trđ/tấn
CP khai thác BQ *(Chiếm 67,4%/ Tổng GT)* *(Chưa tính chi phí thuê vườn cây)*	**30,13**	*Trđ/tấn*
✓ Chi phí thuê vườn cây *(Chiếm 32,6%/ Tổng GT)*	14,57	Trđ/tấn
Tổng giá thành sản xuất:	**44,70**	**Trđ/tấn**

III- Về kết quả trồng mới cây trồng năm 2022:

1/ Kết quả trồng mới "Vườn cây Tràm- Keo lai hom":

a/ Tổng diện tích trồng:	164,45	Ha
Trong đó: Khu vực C: 3,58 ha; Khu vực D: 160,87 ha		
b/ Tổng chi phí:	2,40	Tỷ đồng
c/ Chi phí bình quân 01 ha (suất đầu tư):	**14,60**	**Trđ/ha**

2/ Kết quả trồng mới "Vườn cây Cao su":

a/ Tổng diện tích trồng:	21,48	Ha
Trong đó: Khu vực C: 6,96 ha; Khu vực D: 14,52 ha		
b/ Tổng chi phí:	1,18	Tỷ đồng
c/ Chi phí bình quân 01 ha (suất đầu tư):	**54,70**	**Trđ/ha**

***/ Tổng chi phí trồng mới năm 2022 (1+2) là:**	**3,58**	**Tỷ đồng**

3/ Ngoài các vườn cây trồng mới thì trong năm 2022 Công ty đã tiến hành hoán đổi đất với TBQG3 và thu hồi những phần diện tích đất do các tập thể đơn vị, chiến sĩ bộ đội lấn chiếm, khai hoang trồng trong phạm vi đất quản lý của Nông trường, cụ thể như sau:

+ Diện tích đất thu hồi từ chiến sĩ bộ đội lấn chiếm: 42,35 ha;
+ Diện tích đất hóa đổi với TBQG3: 97,35 ha *(trong đó có 31,6ha đất trống).*
+ Tổng chi phí hỗ trợ đền bù và hoán đổi là: 3,52 tỷ đồng

4/ Như vậy, tính đến thời điểm 31/12/2022 thì ngoài diện tích vườn cây cao su các khu vực A,B,C đang khai thác mủ, Công ty còn có thêm các vườn cây như sau:

a/ Vườn cây tràm – Keo lai:	**287,59**	**Ha**
Trong đó:		
- Vườn tràm trồng mới (Năm thứ nhất):	*164,45*	*Ha*
- Vườn tràm thu hồi từ các chiến sĩ bộ đội lấn chiếm (Tuổi từ 1--4 năm)	*42,35*	*Ha*
- Vườn tràm nhận từ hoán đổi với TBQG3 (1-2 năm tuổi)	*52,25*	*Ha*
- Vườn tràm lô 37C (hỗ trợ đền bù - thu hồi lại từ Ông Nhật- Đại đội 1)	*3,55*	*Ha*
- Vườn tràm rãi rác không liền lô, liền khoảnh (ven các suối và hố bom) tại khu vực vườn cây cao su Khu C:	*24,99*	*Ha*

b/ Vườn cây cao su (nhận hoán đổi từ TBQG3): 11 Ha

c/ Vườn cây điều (nhận từ hoán đổi TBQG3): 2,5 Ha

d/ Diện tích đất trống (nhận từ hoán đổi TBQG3): 31,60 Ha

IV- Một số nội dung khác:

1/ Cơ cấu cổ đông – Vốn chủ sở hữu của Công ty:

TT	Nội dung	Đầu năm (01/01/2022)			Cuối năm (31/12/2022)		
		SL cổ đông	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỷ lệ %	SL cổ đông	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỷ lệ %
1	Cổ đông là pháp nhân (tổ chức)	1	15.864.535	51%	1	15.864.535	51%
2	Cổ đông là thể nhân (cá nhân)	5	15.242.531		4	15.242.531	49%
	Trong đó:						
	- Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể (trên 5% có quyền biểu quyết)	*4*	*15.067.531*	*48%*	*3*	*15.067.531*	*48%*
	- Cổ đông nhỏ lẻ	*1*	*175.000*	*1%*	*1*	*175.000*	*1%*
	Tổng cộng		**31.107.066**	**100%**		**31.107.066**	**100%**

(Trong năm không có biến động về tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu)

2/ Về xây dựng cơ bản các hạng mục công trình năm 2022.

Trong năm 2022, Công ty đã tiến hành đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng mới các công trình để phục vụ cho sản xuất cũng như hoạt động chung của Nông trường **với tổng giá trị là 1,57 tỷ đồng**, cụ thể như sau:

- Xây dựng mới công trình "Nhà ở lưu trú cho công nhân tại Khu vực C", số lượng 30 căn, tổng giá trị 685 trđồng (bình quân 22,83 trđ/ căn).

- Xây dựng mới công trình "Nhà làm việc văn phòng Khu vực D", tổng chi phí 400 trđồng.

- Xây dựng mới công trình "Nhà chốt bảo vệ tại Khu vực D", tổng giá trị 85 trđồng.

- Mua sắm trang bị máy móc phục vụ các công việc tại Nông trường gồm:

+ Máy nổ phát điện cho Khu vực A: số lượng 01 cái, giá trị 46,3 trđồng;

+ Máy cày: Số lượng 02 chiếc, giá trị 350 trđồng.

3/ Về công tác quản lý quỹ đất – tại Khu vực D.

Tính đến 31/12/2022, ngoài diện tích vườn cây cao su hiện hữu, thì Công ty đã tiến hành tiếp nhận lại toàn bộ phần diện tích đất hợp tác đầu tư và cho thuê từ các đơn vị *(từ năm 2015, 2016, 2017)* với tổng diện tích **là 744,19 ha**, cụ thể như sau:

- *Công ty Sitec:* *331,03 ha.*
- *Công ty Kim Mỹ:* *206,36 ha.*
- *Công ty Hoàng Thịnh:* *206,80 ha.*

Trong qua trình canh tác, hai đơn vị là Cty Sitec và Cty Kim Mỹ đã để bị người dân ngoài lấn chiếm đất với diện tích là **32,72ha.**

Hiện tại, Công ty đã và đang cùng làm việc với Cơ quan TBQG3 và chính quyền xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc để thu hồi trong năm 2023.

B- MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH - NĂM 2023

I/ Về khai thác mủ và SXKD năm 2023.

1/ Tổng diện tích khai thác năm 2023 là: **2.834,46 Ha**

+ Giảm 215,59 ha so với năm 2022 do ngưng cạo một số diện tích lẫn giống PB260 sản lượng rất thấp, công nhân không nhận vườn để cạo (Khu A 64,84ha; Khu C 150,75ha).

+ Tăng 11,15 ha từ vườn cây cao su nhận hoán đổi từ TBQG3

2/ Tổng số cây cạo năm 2023 là: **1.367.483 Cây**

- Giảm 135.250 cây so với năm 2022

Trong đó:

- ✓ *Tổng số cây cạo kéo là: 858.460 cây*
- ✓ *Tổng số cây cạo úp là: 509.023 cây*

3/ Kế hoạch sản lượng năm 2023: **3.700 Tấn**

Trong đó: Khu A 1.000 tấn; Khu B 500 tấn; Khu C 2.200 tấn.

4/ Năng suất bình quân năm 2023:

- ✓ *Năng suất bình quân cho 01 ha:* *1,31 Tấn/ha*
- ✓ *Năng suất bình quân cây cạo:* *2,71 Kg/cây*

5/ Kế hoạch Doanh thu – Chi phí – Dự kiến kết quả SXKD năm 2023:

5.1/ Doanh thu:

✓ Tổng SL tiêu thụ:	3.700	Tấn
✓ Giá bán dự kiến:	33	Trđ/tấn
✓ **Doanh thu bán hàng:**	**122**	**Tỷ đồng**
5.2/ Chi phí:	**140**	**Tỷ đồng**
Trong đó:		
✓ *Chi phí khai thác mủ:*	*98,6*	*Tỷ đồng*
✓ *Chi phí quản lý:*	*2,7*	*Tỷ đồng*
✓ *Chi phí khấu hao:*	*1,9*	*Tỷ đồng*
✓ *Chi phí lãi vay:*	*4,7*	*Tỷ đồng*
✓ *Chi phí thuê vườn cây:*	*32,5*	*Tỷ đồng*
5.3/ Chi phí bình quân 01 tấn mủ	**37,94**	**Trđ/tấn**
(Cơ cấu giá thành sản phẩm 2023):		
Trong đó:		
✓ *Chi phí khai thác mủ:*	*26,65*	*Trđ/tấn*
(Chiếm tỷ lệ 70,2%/Tổng GT)		
✓ *Chi phí quản lý:*	*0,74*	*Trđ/tấn*
(Chiếm tỷ lệ 1,9%/Tổng GT)		
✓ *Chi phí khấu hao:*	*0,51*	*Trđ/tấn*
(Chiếm tỷ lệ 1,3%/Tổng GT)		
✓ *Chi phí lãi vay:*	*1,27*	*Trđ/tấn*
(Chiếm tỷ lệ 3,3%/Tổng GT)		
Chi phí bình quân - *chiếm 76,8%/Tổng GT*	**29,16**	*Trđ/tấn*
(Chưa tính chi phí thuê vườn cây)		
✓ *Chi phí thuê vườn cây:*	*8,78*	*Trđ/tấn*
(Chiếm tỷ lệ 23,2%/Tổng GT)		
5.3/ Kết quả SXKD năm 2023- Dự kiến:	**Lỗ 18,29**	**Tỷ đồng**

II/ Về kế hoạch trồng mới cây trồng năm 2023 và chăm sóc vườn cây đã trồng năm 2022:

1/ Về kế hoạch trồng mới cây trồng năm 2023.

1.1/ Kế hoạch trồng mới "Vườn cây Tràm":

a/ Tổng diện tích trồng- Khu D:	**167,82**	Ha
b/ Tổng chi phí- Năm thứ nhất:	2,45	Tỷ đồng
c/ Chi phí bình quân 01 ha (suất đầu tư):	14,60	Trđ/ha

1.2/ Kế hoạch trồng mới "Vườn cây Cao su":

a/ Tổng diện tích trồng:	**259,75**	Ha
Trong đó: Khu vực C: 31,60 ha; Khu vực D: 228,15 ha		
b/ Tổng chi phí- Năm thứ nhất:	14,21	Tỷ đồng
c/ Chi phí bình quân 01 ha (suất đầu tư):	54,70	Trđ/ha

1.3/ Tổng chi phí trồng mới năm 2023 là:	**16,66**	**Tỷ đồng**

2/ Về kế hoạch chăm sóc cây trồng vườn cây năm 2022.

(Theo Dự toán chi phí từng năm của Nông trường)

a/ Vườn cây Cao su- Năm thứ 2:

✓ Diện tích:	21,48	Ha
✓ Chi phí chăm sóc bình quân:	16,55	Trđ/ha
✓ *Chi phí:*	*356*	*Trđồng*

b/ Vườn cây Tràm- Năm thứ 2:

✓ Diện tích:	164,45	Ha
✓ Chi phí chăm sóc bình quân:	5,87	Trđ/ha
✓ *Chi phí:*	*965*	*Trđồng*

c/ Vườn cây Tràm (cây năm 2,3,4)- Thu hồi từ Bộ đội:

✓ Diện tích:	42,35	Ha
✓ Chi phí chăm sóc bình quân:	3,81	Trđ/ha
✓ *Chi phí:*	*161*	*Trđồng*

d/ Vườn cây Tràm (cây năm 1)- Hoán đổi:

✓ Diện tích:	44,25	Ha
✓ Chi phí chăm sóc bình quân:	5,87	Trđ/ha
✓ *Chi phí:*	*260*	*Trđồng*
TỔNG CỘNG	**1,74**	**Tỷ đồng**

III/ Về kế hoạch XDCB và Mua sắm máy móc, thiết bị năm 2023.

Để việc triển khai các Kế hoạch trong năm 2023 được thuận lợi, kịp tiến độ cũng như yêu cầu. Nay, Ban tổng giám đốc Công ty kính trình Kế hoạch XDCB năm 2023 như sau:

Nội dung – Hạng mục công việc (công trình)	Chi phí dự kiến	
1/ 02 Trục đường giao thông liên thông từ các khu vực trong phạm vi Nông trường Cao su Xuân Lộc: + Trục 01 từ Khu vực D sang Khu vực C, chiều dài 2,1km; + Trục 02 từ đầu Khu C1 đến tỉnh lộ 329, dài 6,9km; + Cống hộp bắt qua suối 02 cái (quy cách 2x2x4 m) *(Khu D qua Khu C):*	2,16	Tỷ đồng
2/ Hệ thống các tuyến đường liên lô trong phạm vi khu vực D, dài 8,5km	1,28	Tỷ đồng
3/ Hệ thống công thoát nước trên toàn Khu vực D, 40 điểm đặt, dài 160m (Cống ly tâm D800 H30, L=4m) *(Phục vụ chống úng cho các vườn cây trồng mới)*	150	Trđồng
4/ Đào hệ thống mương cái thoát nước, chống úng cho toàn Khu vực D, chiều dài dự kiến 18km.	540	Trđồng
5/ Hệ thống đường lô tại Khu vực C, tổng chiều dài là 6km	600	Trđồng
6/ Hệ thống cống thoát nước tại Khu vực C (cống hộp, 05 điểm đặt)	200	Trđồng
7/ Máy cày (03 chiếc, loại nhỏ)	196	Trđồng
8/ Máy nổ phát điện (Khu vực C)	61	Trđồng
Tổng cộng	**5,19**	**Tỷ đồng**

IV/ Về kế hoạch một số công việc khác:

1/ Tiếp tục xúc tiến làm việc với Cơ quan TBQG3 và Chính quyền địa phương (Xã Xuân Tâm, Xuân Hưng, Huyện Xuân Lộc) để thu hồi toàn bộ diện tích đất tại Khu vực D bị người dân ngoài xâm chiếm, tổng diện tích là 32,72ha (*hiện tại đã làm việc có kết quả thu hồi được 6,0 ha*), chi phí đền bù hỗ trợ giống cây trồng được áp dụng theo Quyết định về chi phí đền bù của UBND tỉnh Đồng Nai.

2/ Đầu năm 2023, Công ty đã thực hiện thu hồi toàn bộ phần diện tích ven suối, hố bom trên phạm vi toàn Khu vực C do các chiến sĩ bộ đội Đại đội 1 khai hoang trồng xen cây tràm, tổng diện tích đã thực hiện đến thời điểm hiện tại là **24,99ha**, tổng số tiền hỗ trợ chi phí trồng tràm là 1,16 tỷ đồng. Trong năm 2023, Ban tổng giám đốc Công ty tiếp tục chỉ đạo Nông trường rà soát, kiểm kê những phần diện tích tương tự trên tổng thể toàn Nông trường và sẽ có phương án trình HĐQT Công ty quyết định.

C- Một số đề nghị, kiến nghị của Ban tổng giám đốc.

Để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2023 với hiệu quả cao nhất, Ban tổng giám đốc Công ty kính trình và đề nghị ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty xem xét chấp thuận một số nội dung như sau:

a) Đề nghị được chuyển đổi qua mặt cạo úp vườn cây khu vực C1, với diện tích là: **675,89ha**. Diện tích khai thác lũy kế đến năm 2023 là:

+ Vườn cây cạo úp là **989,21 ha**.

(Trong đó: Khu A 288,77ha, Khu B 24,55ha, Khu C 675,89ha).

+ Vườn cây cạo kéo là **1.845,25 ha**.

(Trong đó: Khu A 585,39ha, Khu B 383,28ha, Khu C 876,58ha).

Tổng cộng: 2.834,46 ha.

b) Về chi phí nhân công giao khoán khai thác mủ năm 2023 được áp dụng như các năm 2021 và 2022, với một số đơn giá giao khoán chính như sau:

- Đối với mủ tinh (quy khô):
  + *Giao khoán cho Đối tác nhận khoán độc lập:* *20.000 đồng/kg.*
  + *Giao khoán Các Tổ/Đội công nhận khoán:* *15.000 đồng/kg.*
  + *Giao khoán Công nhân biên chế quản lý Cty:* *12.000 đồng/kg.*
- Đối với mủ tạp *(tươi sau khi trừ 20% hao hụt):* 7.000 đồng/kg.
- Đối với mủ dây *(tươi)*: 10.000 đồng/kg.
- Đơn giá các công đoạn trước khai thác: 2.200 đồng/cây.

(Riêng số lượng cây mở cạo mới là 2.500 đồng/cây).

c/ Về công tác trồng mới và chăm sóc các vườn cây tái canh:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống đường sá giao thông liên lô, liên khu vực và hệ thống thoát nước chống ngập úng nhằm đảm bảo cây trồng phát triển tốt nhất.

- Phê duyệt quy trình chăm sóc theo kế hoạch của Nông trường.

d/ Về quy cách hàng hóa cao su:

Theo quy định của Tập đoàn CNCS Việt Nam tại Quyết định số 93/QĐ-HĐQTCSVN ngày 25/4/2022 về việc quy định quản lý chất lượng, thương hiệu hàng hóa cao su gia công chế biến từ các nhà máy của Tập đoàn. Do đó, Ban tổng giám đốc đề nghị ĐHĐCĐ và HĐQT sớm có chủ trương về "***Tem nhãn hàng hóa cao su***" để đóng gói bao bì xuất khẩu.

Trên đây là một số nội dung cơ bản về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2022 và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty.

Kính trình và rất mong Đại hội đóng góp ý kiến để Ban điều hành triển khai thực hiện đạt kết quả cao nhất.

Trân trọng báo cáo./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *HĐQT;*
- *BKS Cty;*
- *Lưu: HSĐH, VT.*

M.S.D.N: 0313770215 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU XUÂN LỘC
QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Ngọc Đức